

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Một số vấn đề chung về chương trình, nội dung và phương pháp dạy học đã được nêu trong các sách giáo viên (SGV) Ngữ văn lớp 10 và 11. SGV *Ngữ văn 12* chỉ đi sâu thêm một số vấn đề chính thuộc nội dung chương trình Ngữ văn trong sách giáo khoa (SGK) lớp 12.

I – PHẦN VĂN HỌC

1. Một số điểm thay đổi trong chương trình Ngữ văn lớp 12

a) So với chương trình trong SGK chỉnh lý hợp nhất năm 2000, chương trình Ngữ văn lớp 12 có *những thay đổi* nhất định trong việc lựa chọn tác phẩm văn học nhằm mở rộng phần sáng tác sau năm 1975.

Chương trình không còn một số tác phẩm như : *Tâm tư trong tù, Bên kia sông Duống, Các vị La Hán chùa Tây Phương, Mùa lạc, Mảnh trăng cuối rìme, Thư gửi mẹ,...* nhưng có thêm : *Đò Lèn* của Nguyễn Duy, *Đàn ghi ta* của Lor-ca của Thanh Thảo, *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng, *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải, *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu ; *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ,...

b) Chương trình cũng chú ý thêm về loại thể. Văn nghị luận có thêm *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* của Phạm Văn Đồng, chân dung văn học *Đô-xtôi-ép-xki* của Xvai-gơ, hai văn bản nhật dụng : *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* của Trần Đình Huợu và *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1 - 12 - 2003* của Cô-phi An-nan. Kịch sau năm 1975 với *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ. Hồi ký *Những năm tháng không thể nào quên* của Võ Nguyên Giáp, bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường,... Đây là những tác phẩm hoặc những trích đoạn từ văn bản mới có mặt trong nhà trường.

c) Chương trình không chỉ chọn các sáng tác văn chương nghệ thuật mà còn tăng cường *nghị luận xã hội, nghị luận văn học, văn bản nhật dụng*. Nghị luận văn học và nghị luận xã hội có 4 bài, văn nhật dụng có 2 bài.

2. Hướng tiếp cận mới

a) Với chương trình này, ngoài những tác phẩm mang tính sử thi, giáo viên (GV) còn phải tiếp cận và giải mã những tác phẩm đi vào đời sống tinh thần của con người và nhân vật cũng như tư tưởng đổi mới của tác giả. *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* là cả một cuộc đấu tranh phức tạp bên trong mỗi con người, làm sao giữ được chất thiện, chất người của bản thân trước mọi cảm dỗ dữ dội và tinh ma của cái ác, cái xấu. Cách đến với *Chiếc thuyền ngoài xa* không giống với cách tiếp cận *Mảnh trăng cuối rừng*. Một bên chủ yếu là khám phá thế giới con người trong quan hệ với bên ngoài, với cộng đồng, với ngoại cảnh ; một bên là quá trình khám phá thế giới nội tâm của từng nhân vật, từng con người trước cuộc đời phúc tạp và nghiệt ngã. Với tư duy đơn giản và cách tiếp cận văn chương mòn cũ, người đọc sẽ không hiểu hết được những vấn đề tác giả đang đặt ra trong tác phẩm với bao trăn trở thường nhật đầy trách nhiệm của mình. Một phóng viên nhiếp ảnh nếu chỉ đến với vẻ đẹp bề ngoài của cảnh thiên nhiên, của con người thì không tài nào ghi được những bức tranh thật của cuộc đời và con người. GV khi giảng dạy những tác phẩm này phải biết tự đòi hỏi một sự đổi mới trong tư duy xã hội, tư duy văn học và cả phương pháp tiếp cận văn chương đương đại.

b) Việc bổ sung những văn bản nghị luận, nhất là những văn bản nhật dụng, cũng đặt ra *những yêu cầu mới* đối với GV. Dĩ nhiên, chương trình Ngữ văn nhất thiết phải chú trọng đến những sáng tác văn chương, nhất là những tác phẩm xuất sắc. Đó là những cơ sở để giáo dục và phát triển tình cảm thẩm mĩ và nhân văn cho học sinh (HS). Chương trình Ngữ văn trong nhà trường nếu coi nhẹ chất văn chương sẽ đưa đến những hậu quả không hay, không những cho việc dạy văn mà còn cho cả việc giáo dục con người của xã hội, nhất là trong thời đại mà khoa học công nghệ đang thâm nhập sâu vào cuộc sống và bản thân mỗi người. Gần đây, nhà thơ Ép-tu-xen-cô có nhắc lại một câu nói bất hủ của Viện sĩ Môi-sép : "Muốn chạy đua về khoa học vũ trụ thì phải tăng cường học thơ trong nhà trường".

Nhưng mặt khác, cũng cần thấy rằng chương trình Ngữ văn trong nhà trường không thể chỉ chú trọng đến mĩ cảm, đến tư duy hình tượng mà coi nhẹ tư duy lôgic, tư duy khoa học và coi nhẹ những vấn đề của cuộc sống mà hàng ngày và sau này các em sẽ phải đối mặt. HS phổ thông ra trường, đi vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực văn học nghệ thuật không nhiều mà phần lớn là vào các ngành khoa học kĩ

thuật hoặc lao động chân tay. Văn nghị luận cũng như văn nhật dụng có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị cho HS đi vào cuộc sống. Cho nên, GV cần ý thức rõ vị trí riêng của hai loại văn bản này trong chương trình để giúp HS có được những kiến thức cùng những kỹ năng cần thiết. Một văn bản nghị luận hay nhật dụng xuất sắc có vẻ đẹp riêng về trí tuệ, về tư duy, về phương pháp luận cũng như cách kết cấu và văn phong độc đáo của nó.

Và chăng, việc học tốt các văn bản nghị luận và văn bản nhật dụng cũng có tác dụng sâu sắc đến việc rèn luyện tư duy, phương pháp tư tưởng, sự am hiểu cuộc sống,... Những điều này nhiều khi lại giúp ích không ít cho việc học văn, làm văn của HS. Văn nghị luận, văn nhật dụng hay văn chương nghệ thuật có khác nhau ở đề tài, phương thức phản ánh, biểu đạt, nhưng xét trong cội nguồn vẫn là sự phản ánh những phương diện khác nhau của cuộc đời và con người. Khi giảng dạy phần này của chương trình, GV không đối lập hay coi nhẹ phần văn bản nhật dụng trong quan hệ với phần văn chương nghệ thuật để có thể tạo được một hiệu quả tích hợp và tổng hợp chung cho cả chương trình.

c) Về văn học nước ngoài ở lớp 12, đáng chú ý là ngoài những tác giả, tác phẩm quen thuộc như Sô-lô-khổp với *Số phận con người*, Lô Tấn với *Thuốc*, Hê-minh-uê với *Ông già và biển cả* còn có thêm bài *Đô-xtôi-ép-xki* của Xvai-gơ và bài thơ *Tự do* của È-luy-a. Như vậy, diện tiếp xúc về văn học nước ngoài có mở rộng hơn về tác giả, về thể loại. Việc thay đổi này cũng không gây nhiều khó khăn cho GV. Những kiến thức cần thiết về kiểu bài chân dung văn học của Xvai-gơ được cung cấp một phần trong SGV. Ngoài ra, những thông tin về các nhà văn nước ngoài cũng không phải hoàn toàn mới lạ. Các giáo trình văn học nước ngoài cũng có đề cập đến, GV nên tự tìm đọc thêm.

3. Một số vấn đề thuộc quan điểm tiếp cận văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 và sau năm 1975

a) Về phần văn học từ năm 1945 đến năm 1975

Cách mạng tháng Tám đánh dấu một mốc mới cho văn học dân tộc. Cùng với sự hồi sinh của dân tộc là sự khai sinh của nền văn học mới. Đó là nền văn học của nhân dân với những nguyên tắc mới mẻ : dân tộc, khoa học, đại chúng (như *Đề cao văn hóa* năm 1943 đã nêu), với nhiệm vụ phục vụ sự nghiệp chiến đấu và lao động của nhân dân, với nội dung phản ánh cuộc sống của quần chúng nhân dân. Nhân vật trung tâm của văn học là công, nông, binh. Nhà văn cũng là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, được tập hợp trong tổ chức với phương châm cách mạng hoá tư tưởng và quần chúng hoá sinh hoạt dưới sự lãnh đạo của Đảng,... Khi nhấn mạnh

những đặc điểm cơ bản, những thành tựu nổi bật của nền văn học mới, chúng ta không tách rời nó với những thành tựu đã có trước Cách mạng tháng Tám. Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng là truyền thống tốt đẹp trong thơ văn của dân tộc. Văn học sau Cách mạng tháng Tám có kế thừa những thành tựu của văn học tiến bộ trước đó. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, Tố Hữu,... là những người đặt nền móng và một số nhà văn, nhà thơ tiến bộ khác có phần đóng góp đáng kể cho sự ra đời của nền văn học mới.

Nền văn học mới ra đời và lớn lên trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, kéo dài 30 năm với sự phát triển không bình thường về nhiều mặt của đời sống xã hội và con người nên không khỏi không có những hạn chế nhất định. GV cũng cần biết và có thể phân tích cho HS thấy điều đó, nhưng không vì thế mà làm mờ nhạt những đóng góp to lớn của văn học giai đoạn này.

Để có được cách nhìn nhận, đánh giá khách quan, đúng đắn về văn học giai đoạn trước năm 1975, cần có một phương pháp luận tiếp cận khoa học để tránh được những cách đánh giá phiến diện, thậm chí cực đoan, có màu sắc phủ nhận. Đã từng có những ý kiến cho rằng văn học sau năm 1945 chỉ là sự tiếp tục công việc hiện đại hóa văn học trước năm 1945. Cũng có ý kiến cho rằng văn học trong hai cuộc kháng chiến chỉ là văn học phục vụ chính trị, tuyên truyền cổ động mà không có giá trị văn học, đó là “văn học minh họa”, “văn học quan phuong”. Cũng có ý kiến đổi lập yêu nước, chiến đấu với nhân văn, sử thi với đời thường, cá nhân với cộng đồng. Cần có quan điểm lịch sử để nhìn nhận thực chất giá trị và tác dụng to lớn của văn học kháng chiến trước yêu cầu cao cả mà lịch sử dân tộc lúc bấy giờ đã đặt ra cho văn học ; mỗi nhà văn – công dân, nhà văn – chiến sĩ từng giờ, từng phút không thể đứng ngoài cuộc chiến đấu sinh tử và cuộc ra quân hào hùng chưa từng có trong lịch sử của dân tộc mình. Cũng cần có cách nhìn khách quan về thành tựu của văn học kháng chiến trên nhiều phương diện trong tương quan so sánh với văn học trước năm 1945. Có thể mới đánh giá đúng những thành tựu to lớn chưa từng có và chưa thể có trong các giai đoạn văn học trước năm 1945 : sự giác ngộ sâu sắc về nhiệm vụ của người cầm bút ; sự phát triển toàn diện về nhiều mặt của đội ngũ nhà văn, của công chúng văn học ; về nội dung hiện thực của văn học, về tư tưởng yêu nước, tinh thần cách mạng và chủ nghĩa nhân văn mới trong sáng tác văn học ; sự phát triển về thể loại, đặc biệt là truyện ngắn và thơ. Thơ trữ tình không như trước mà đã có những phát triển mới về cái tôi trữ tình của thơ hiện đại, không chỉ là cái tôi khép kín, riêng lẻ mà còn là cái tôi hoá thân vào cộng đồng, thống nhất cái riêng với cái chung, hoà cái tôi nhà thơ với cái tôi quần chúng công nông....

Trên đây là những kiến thức cơ bản, GV cần giúp cho HS nhận thức được sâu sắc bản chất, đặc điểm và thành tựu của nền văn học sau Cách mạng tháng Tám. Đó là cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học, khách quan về nền văn học mới, đành rằng văn học trong hai cuộc kháng chiến do những điều kiện lịch sử đặc biệt của hai cuộc chiến tranh kéo dài không khỏi không có những mặt hạn chế nhất định.

b) Về phần văn học sau năm 1975, nhất là sau năm 1986

Năm 1975 là mốc son lịch sử đánh dấu thời kì mới, thời kì độc lập, thống nhất của dân tộc. Chiến tranh đã qua và đất nước bước vào thời kì xây dựng trong hoà bình. Nhiều vấn đề sau chiến tranh được đặt ra trên mọi lĩnh vực của đời sống, kể cả văn học.

Đến năm 1986, với Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể nói đây là một bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước sau khi Tổ quốc được thống nhất. Những đổi mới trong đường lối chính trị xã hội đưa đến những đổi mới về tư duy văn hoá và văn học. Đổi mới là một tất yếu lịch sử để đưa đất nước tiến lên, thoát khỏi sự trì trệ, lạc hậu, từng bước hoà nhập với thế giới. Đời sống văn học cũng có khởi sắc. Không khí dân chủ được đề cao hơn. Đây là một điểm nổi bật của văn học thời kì đổi mới. Nhà văn, nhất là lớp nhà văn trẻ đã có những tìm tòi về đề tài, kể cả những đề tài về chiến tranh với tư duy nghệ thuật mới và phương thức biểu đạt mới, kịp thời nói lên những vấn đề bức xúc của đời sống sau chiến tranh. Hiện thực đời sống được khám phá trên nhiều phương diện, nhất là đời sống nội tâm của con người với những trăn trở, khát vọng thâm kín, nhân bản mà lâu nay do hoàn cảnh phải tập trung cao độ mọi nỗ lực, tâm trí cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và một phần do tư duy mòn cũ nên ít được chú ý. Tinh thần nhân văn, ý thức về cá nhân đã trở thành cảm hứng sáng tạo cho các văn nghệ sĩ ở thời kì đổi mới. Trong cuộc chiến tranh vĩ đại để giải phóng và thống nhất Tổ quốc, tất cả sức lực, tình cảm đều dồn cho dân tộc, cho cộng đồng. Văn chương và nhà văn cũng vậy. Nhà văn tự nguyện làm người chiến sĩ, người công dân trước đà. Nhiều mảng hiện thực, nhiều tình cảm đành phải tạm gác lại, lướt qua để tập trung cho chủ đề lớn là đánh giặc cứu nước. Đến nay, chúng ta có điều kiện để khắc phục những hạn chế trước đây. Với tư duy mới, nhiều vấn đề về cách cắt nghĩa, thẩm định tác phẩm hay đánh giá một số hiện tượng văn học đã bớt cứng nhắc và máy móc. Một số bài kí, phóng sự, một số bài thơ, truyện ngắn và tiểu thuyết bước đầu đã làm cho không khí văn học trong xã hội khởi sắc hơn, dân chủ và mới mẻ hơn. Thế giới bên trong của con người được chú trọng hơn với nhiều diễn biến phức tạp, đa dạng hơn, nhân văn hơn, điều mà trước đây chưa có điều kiện nói

kỉ đến. SGK đã nhắc đến một số nhà văn và tác phẩm mở đầu cho thời kì đổi mới như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng,...

Trên đây là những điều cần được GV khẳng định trong quá trình giảng dạy giai đoạn văn học sau năm 1945, nhất là sau năm 1975. Tuy nhiên, cũng phải lưu ý là trong quá trình đổi mới về chính trị và văn học cũng đã xuất hiện một vài khuynh hướng không đúng, những cách nhìn tiêu cực, những thái độ cực đoan, những tìm tòi quá trớn làm cho không khí văn học ít nhiều không lành mạnh. Cũng có thể do nhận thức chính trị không đúng, cũng có thể do phương pháp tư duy cực đoan hoặc do tâm trạng bối rối, mất phương hướng trước một số hiện tượng xã hội và đời sống, nhất là trước sự sụp đổ nhanh chóng của Liên Xô và khối Đông Âu, đã xuất hiện những cách nhìn tiêu cực. Ít nhiều đã có khuynh hướng vô tình hay hữu ý muốn phủ nhận thành tựu của văn học cách mạng kháng chiến. Một ít tác phẩm thiên về mặt tối của cuộc đời dễ làm cho người đọc cũng bị quan theo, dù cố tình hay không, thực chất đó là cách nhìn nhận, đánh giá không khách quan về thành tựu to lớn của văn học cách mạng kháng chiến, làm cho văn học xa rời chính trị và cuộc sống,... Đổi mới và tự do tìm tòi sáng tạo là cần thiết và đáng quý, nhưng không nên có những lối viết cầu kì, rối rắm, thậm chí có khi tô đậm những chi tiết bạo lực, dâm tục làm cho văn chương hoà thành dung tục, thô lỗ, phản cảm. Nhưng nhìn chung cho đến nay, “đổi mới văn học đã bước qua giai đoạn nhận thức ban đầu, giờ đây tư duy, cảm hứng, cách nhìn của nhà văn đã được điều chỉnh một bước, trở lại điềm tĩnh, sâu lắng với sự suy ngẫm sâu hơn về xã hội và con người...” (Báo cáo tại Đại hội đại biểu Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VII).

II – PHẦN TIẾNG VIỆT

Chương trình Tiếng Việt lớp 12 gồm hai loại bài. Loại thứ nhất chủ yếu dành cho củng cố và nâng cao những kiến thức và kỹ năng đã học ở các lớp dưới như : thực hành một số phép tu từ ngữ âm, cú pháp, thực hành về hàm ý,... Loại bài thứ hai hình thành kiến thức và kỹ năng mới như : giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, luật thơ, nhân vật giao tiếp, phong cách ngôn ngữ khoa học, phong cách ngôn ngữ hành chính.

III – PHẦN LÀM VĂN

Chương trình Làm văn lớp 12 quy định giảng dạy các kỹ năng phân tích, bình giảng, bình luận văn học, bình luận xã hội, đồng thời cũng chú ý hoàn thiện cách mở bài, kết bài, chuyển đoạn. Chương trình mới không phân chia tách biệt các kỹ năng phân tích, bình giảng, bình luận mà chú ý đến những thao tác tư duy có tính

chất tổng hợp hơn như xây dựng luận điểm, luận cứ và cuối cùng là luyện tập các kiểu bài bình luận xã hội và bình luận văn học. Trên đại thể, chương trình mới không rèn luyện các kiểu bài quen thuộc trong nhà trường như phân tích, bình giảng mà chỉ chú trọng kiểu bài nghị luận trên cơ sở hình thành các thao tác nghị luận như xây dựng luận điểm, luận cứ,...

IV – VẤN ĐỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP

Ở lớp 10 và 11, chúng ta đã đề cập khá kĩ những vấn đề lí luận đổi mới phương pháp. Vấn đề này cần được tiếp tục triển khai ở lớp cuối cấp THPT. Tuy nhiên, qua các đợt triển khai chương trình và SGK các lớp 10, 11 đã thấy có biểu hiện là nhiều GV vẫn chưa thật thấu triệt, đặc biệt là chưa vận dụng được lí thuyết vào các bài soạn cụ thể. Kinh nghiệm cho thấy, nên tổ chức nhiều những bài giảng cụ thể để GV thảo luận, rút kinh nghiệm chung ở tổ bộ môn hay nhóm soạn bài. Khi GV trình bày bài giảng thử nghiệm, nhất thiết phải *thuyết minh được ý tưởng đổi mới nội dung và phương pháp theo yêu cầu của chương trình*, đặc biệt là phải chỉ ra được chỗ khác với cách dạy học cũ. Trên cơ sở đó, tập thể góp ý về các mặt được, hay chưa được.

Tiêu chuẩn chính để đánh giá một giờ Ngữ văn thành công là giờ học đã thực sự đi vào quỹ đạo đổi mới hay chưa ? Nội dung bài học đã thể hiện được yêu cầu đặt ra trong SGK chưa ? Nguyên tắc tích hợp đã được thể hiện chưa ? Phương pháp trên lớp đã thực sự tạo điều kiện cho HS hoạt động chưa, hay là vẫn theo lối thuyết giảng ? Không khí giờ học đã dân chủ, tự do chưa ? Đến lớp 12, chúng ta đi vào việc vận dụng sao cho nhuần nhuyễn những vấn đề lí luận về đổi mới đã bàn ở lớp 10, 11, nhất là ở lớp 11.

Trên đây là một vài định hướng chính. Nội dung cụ thể sẽ được trình bày trong *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên Ngữ văn lớp 12*. GV có thể tham khảo thêm.